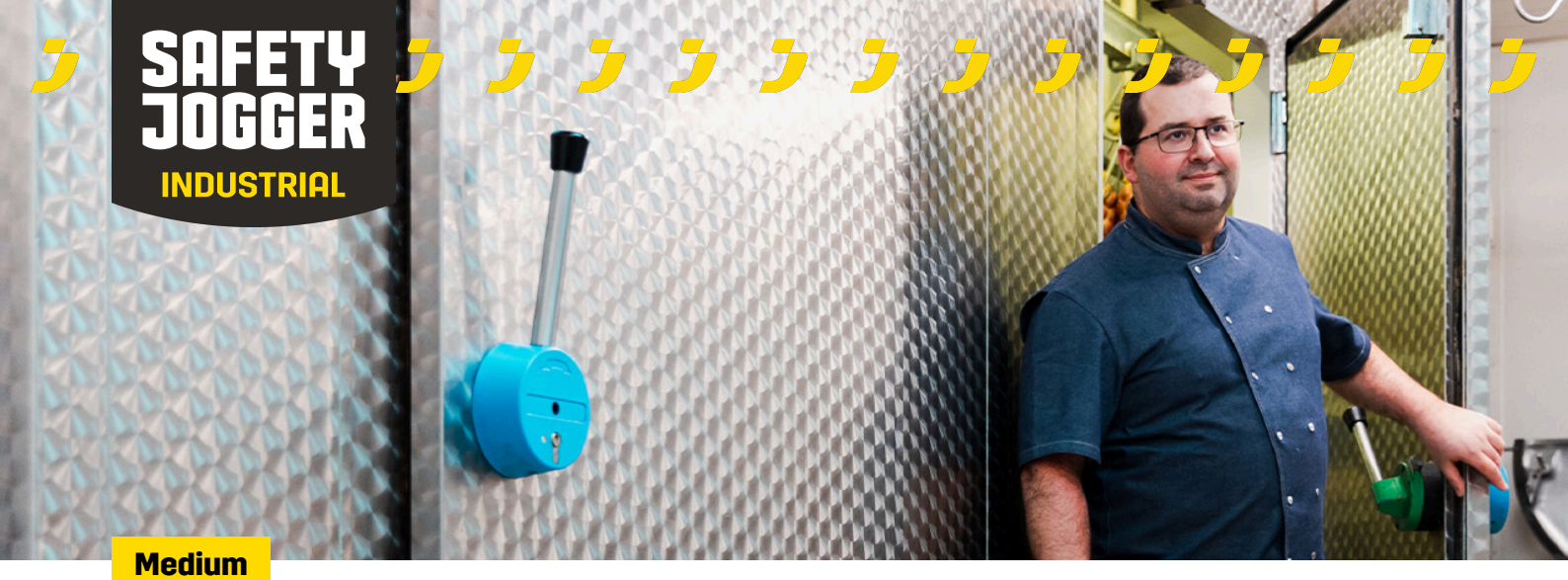


SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Medium

X0600 S3

X0600S3

Giày bảo h ộ **S3 dành cho ngành công** n ghiệ p thự c phẩm

Giày bảo h ộ S3 ch ố n g thấm ữa bằng đế g **thép**, phần trên **cho ngành công** n ghiệ p thự c phẩm .

CO2 10.17 kg



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn	Da Nappa Action, Lorica
lót bên trong	Cambrella
trong Đ ệm chân S	Memory Foam
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, SC, LG, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t **thép**	0.570 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024





Mũi giày an toàn bằng **thép** Giá đỡ gót chân é lăn hoặc iữa bằng **thép** chống i chấn động ệu quả.



iữa bằng t g **thép** đâm thủng được làm bằng **thép** không gỉ phủ và ngăn các xâm nhập từ đế ngoài.



ượt **(SR)** ốn tChống t ước **đáy SRA/SRB/SRC**. **SR** có nghĩa là phép thử ước được thực hiện **trên** xà phòng và dầ



S nhiên u chống dầu é ngoài có k khả năng **và** nhiên liệu.



HACCP
HACCP là một hệ thống thử nghiệm dựa **trên** phân tích các ức ă **thực** phẩm **có** thể dẫn đến bệnh i tiêu dùng oặc chế **HACCP**, iêu được phát t **cho** **ngành công** nghiệp thực phẩm, được **làm** bằng vật liệu có thể g



mũi ch **mài mòn (SC)**
Vật liệu che phủ **mũi giày đã** được thử nghiệm **riêng** hao mòn vật liệu **trên** (ví dụ: **khi quỳ**) **và** mở rộ **giày** an toàn

Công nghiệp n:

Thự cuphẩm m &g, lĩnh vự c ô tô, phục vụ ăn uố ạnh g, Xây dự cần g, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t

rư ờn ngườn ngườ mặtôi, không bắn g phẳn g

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hà nhiệ Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết ả	đơn vị u	đo lườn g q
Nhữ n g vật l iệu cao cấp h ơn	**Da Nappa Action, Lorica**				
	Top: khả năng thấm hút mồ hôi	? 0.8	1.8	mg/cm/giờ	
	Top: hi nuệ số ơ	? 15	16	mg/cm2	
ót bên trong	**Cambrella**				
	L ớp lót: thấm hút mồ hôi	? 2	25.39	mg/cm/giờ	
	lót: hi nuệ số ơ	? 20	204	mg/cm2	
rong	Đ ệ m chân **SJ Memory Foam**				
	ệ m chân Độ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ	
goài	Đ **PU / PU**				
	Ch ố ma sát tĩnh (mài mòn đế ngoài (	? 150	137	mm	
	Chư ố ợt trượt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót về phía t	? 0.31	0.45	ma sát	
	rư Hệ số trượt bằng - Gốm + NaLS - Trư ợt lùi về phía t	? 0.36	0.47	ma sát	
	rư Hệ số trượt SRA - Gốm + Glycerin - Trư ợt gót về phía t	? 0.19	0.28	ma sát	
	Chư ố ợt trượt SRA - Gốm + Glycerin - Trư ợt lùi về phía t	? 0.22	0.26	ma sát	
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	33.6	megaohm	
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm	
	Hấp thụ năng l ợ gót chân của	? 20	30	J	
Đ ứ n g đầ	**Thép**				
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm	
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm	
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15	mm	
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	20.5	mm	

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Giày bảo hộ lao động và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:

Dấ

	Sự miêu t ả	ết ả	đơn vị u	đo lườn g q
i **CO** phát thả				
	V ật l iệu		7.89	kg
	Bao bì		0.12	kg
	ất Sản x u		1.90	kg
	Chuyên ch ở		0.26	kg
			10.17 kg CO2/ cặp	

	Sự miêu t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		5%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng cách công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.